ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU SỐ 4, PHƯỜNG 4 & PHƯỜNG 9, TP. SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ: 1/2000

(SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH)

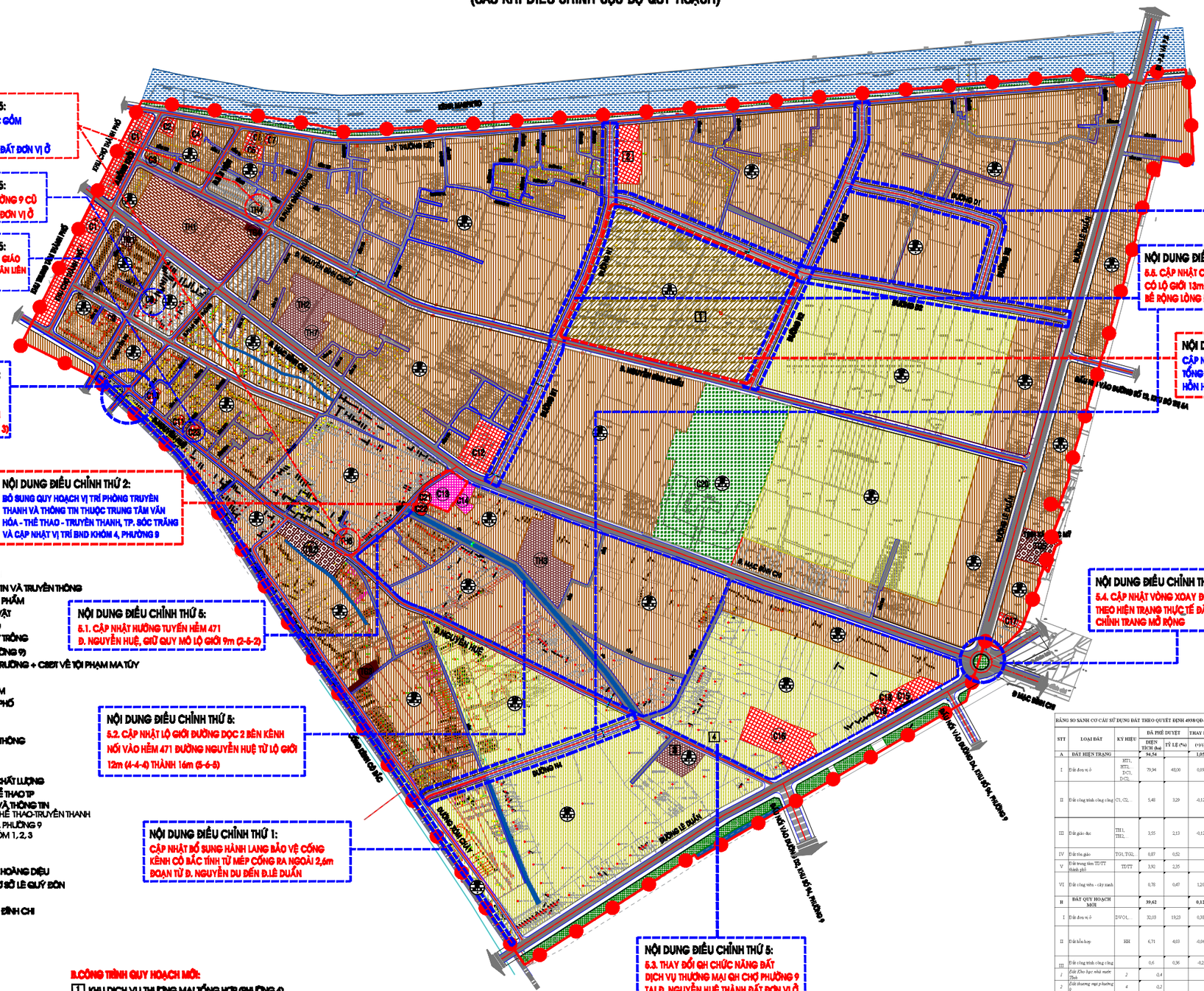

GHI CHÚ:

A.CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

I.CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG:

- KHU CHỢ THÀNH PHỐ
- C2 NHÀ KHÁCH PHONG LAN
- C3 TT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
- C4 CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
- C5 CHI CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT
- C6 UBND KHÓM (PHƯỜNG 4)
- C7 TRUNG TÂM GIỐNG CÂY TRỒNG
- C9 KHU BÁN GIA CẦM (PHƯỜNG 9)
- C10 PHÒNG CẢNH SÁT MÔI TRƯỜNG + C26T VỀ TỘI PHẠM MA TÚY
- C11 PHƯỜNG ĐỘI
- C12 TRUNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM
- C13 TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ
- C14 TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 9
- C15 UBND PHƯỜNG 9
- C16 PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
- C17 UBND PHƯỜNG 4
- C18 CÔNG AN PHƯỜNG 9
- C19 TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
- C20 TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO TP
- C21 PHÒNG TRUYỀN THANH VÀ THÔNG TIN THUỘC TRUNG TÂM VH-THỂ THAO-TRUYỀN THANH
- C22 BAN NHÂN DÂN KHÓM 4, PHƯỜNG 9
- C23 BAN NHÂN DÂN LIÊN KHÓM 1, 2, 3

II.CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC:

- TH1 TRƯỜNG TH PHỔ THÔNG HOÀNG DIỆU
- TH2 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN
- TH3 TRƯỜNG DỤC ANH
- TH7 TRƯỜNG TIỂU HỌC MẠC ĐĨNH CHI

III.CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO:

- TG1 CHÙA TỊNH ĐỘ
- TG2 CHÙA ĐẠI GIÁC
- TG3 CHÙA PHẬT MẪU
- TG4 MIẾU BÀ HỎA
- TG5 TỊNH XÁ NGỌC MỸ

IV.DÂN CƯ THƯƠNG MẠI:

- DC1 KHU DÂN CƯ MINH CHÂU
- DC2 KHU DC TM MẠI TP

B.CÔNG TRÌNH QUY HOẠCH MỚI:

- 1 KHU DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP (PHƯỜNG 4)
- 2 KHO BẠC TỈNH (KÝ HIỆU CŨ: 3)
- 3 TRƯỜNG MẪU GIÁO 2-9 (KÝ HIỆU CŨ: 4)
- 4 CHỢ PHƯỜNG 9 (KÝ HIỆU CŨ: 2)

BẢNG SO SÁNH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUYẾT ĐỊNH 4938/QĐ-UBND NGÀY 30/6/2017 VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	ĐÃ PHÊ DUYỆT		THAY ĐỔI	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH		GHI CHÚ
			DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	(+/-)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	
A	ĐẤT HIỆN TRẠNG		94,54		1,05	95,59	97,59	
I	Đất đơn vị ở	HT1, HT2, DC1, DC2,	79,94	42,00	0,89	80,83	48,05	*Chuyển đất TH4, TH6, C3 thành đất ở; cập nhật hệ tọa độ VN2000*
II	Đất công trình công cộng	C1, C2,	5,48	3,29	-0,12	5,36	3,22	*Điều chỉnh quy mô khoảnh sử dụng đất; bổ sung vào hẻm 471; chuyển đất C3 thành DVTL; Cập nhật C21, C22, C23.*
III	Đất giáo dục	TH1, TH2,	3,55	2,13	-0,12	3,43	2,06	*Thay đổi đất TH4, TH6 thành đất đơn vị ở; TH3 thành